TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/DS-PT
Ngày 06 - 12 - 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Anh Cường.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLPT-DS ngày 08/7/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2024/QĐ-PT ngày 22/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn P, xã Y1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1995; địa chỉ: đường C1, phường C2, quận B, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2024), có mặt.

3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông Lê Văn N, sinh năm 1966, có mặt;
- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968, có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn T2, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Trần Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã Y1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt;

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C3, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 8 năm 2022 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và chị Triệu Thị T có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Ngày 16/7/2021, chị T có hỏi vay bà số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)* để giải quyết việc riêng. Bà H đã đồng ý cho vay và khi đưa tiền cho chị T bà đã yêu cầu chị T viết giấy biên nhận vay tiền ngày 16/7/2021. Quá hạn trả nợ rất lâu nhưng chị T không trả lại tiền cho bà H. Bà H đã nhiều lần đến nhà vợ chồng chị T ở Thôn Q, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để yêu cầu chị T thanh toán số tiền đã vay nhưng chị T đều khất nợ và nói chưa có tiền trả. Sau nhiều lần bà H đến yêu cầu trả nợ, vợ chồng chị T bắt đầu thể hiện thái độ không hợp tác, thách thức, trắng trợn tuyên bố không trả tiền cho bà H và đuổi bà H ra khỏi nhà. Trước đó chị T có vay của bà nhiều lần tiền tuy nhiên vay với số tiền ít nên không lập giấy vay tiền và đều đã trả tiền cho bà chỉ còn lần vay tiền 200.000.000đ ngày 16/7/2021 chị T chưa trả cho bà.

Do vậy, bà H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Triệu Thị T trả lại toàn bộ số tiền đã vay là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)* và toàn bộ lãi suất kể từ thời điểm vay đến khi trả hết nợ theo quy định của pháp luật theo lãi suất chậm trả trên số tiền nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H chỉ yêu cầu chị T phải trả bà 200.000.000đ tiền gốc, không đề nghị chị T phải thanh toán tiền lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Trần Thị X trình bày:

Chị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, chị T khẳng định giấy vay tiền ngày 16/7/2021 bà H dùng để khởi kiện chị là giả mạo không phải chữ ký, chữ viết của chị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T khẳng định chị chỉ vay duy nhất một lần tiền của bà H và chị đã trả nợ cho bà H. Khi trả nợ cho bà H thì chị đã hủy giấy vay nợ rồi. Do vậy thời điểm hiện tại chị không còn nợ gì bà H nữa. Việc vay nợ của chị với bà H, chồng chị là anh Nguyễn Văn H1 hoàn toàn không biết gì và không liên quan gì tới những số tiền trước đây mà chị đã vay bà H.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Anh là chồng chị Triệu Thị T. Bà H và chị T quen biết nhau từ năm 2021 do hay đi thiện nguyện đến

năm 2022 thì anh Hùng tuyên bố không cho bà H đến nhà anh do bà H có những hành động cử chỉ thân mật với chị T. Việc vay mượn giữa chị T và bà H anh hoàn toàn không biết, anh không có liên quan gì.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn N trình bày: Vợ chồng bà có đi cùng chị T hai lần đến nhà bà H để trả tiền tuy nhiên cả hai lần vợ chồng chị chỉ đứng đợi ở đầu ngõ chứ không đi cùng vào nhà bà H. Mọi thủ tục trả tiền, giao nhận giấy tờ giữa bà H và chị T ông bà hoàn toàn không biết. Trong hai lần đi cùng chị T đến nhà bà H có lần chị T nói đến nhà bà H trả 160.000.000 đồng, lần sau chị T nói đến để trả nợ bà H. Ngoài ra ông bà không biết gì thêm.

Người làm chứng ông Trần Văn D trình bày: Ông là cháu gọi bà H bằng cô, quá trình vay nợ giữa bà H và chị T ông hoàn toàn không biết và không chứng kiến việc bà H cho chị T vay tiền. Ông chỉ chở bà H đến nhà chị T để đòi tiền nhưng hai bên xẩy xa xô xát, to tiếng vợ chồng chị T có đuổi bà H về. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của chị Triệu Thị T so với chữ ký, chữ viết của chị T tại giấy vay tiền đề ngày 16/7/2021. Tại kết luận giám định số 92/KL-KTHS ngày 29/8/2023 đã kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết đứng tên Triệu Thị T dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Triệu Thị T dưới các mục: " Người khai" trên mẫu so sánh ký hiệu M1, " Người đề nghị" trên mẫu so sánh ký hiệu M2, " NGƯỜI NHẬN" trên mẫu so sánh ký hiệu M3, " CÁC ĐƯƠNG SỰ THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI" trên mẫu so sánh ký hiệu M4, " CÁC ĐƯƠNG SỰ THAM GIA PHIÊN HỌP" Trên mẫu so sánh ký hiệu M5 và chữ ký, chữ viết đứng tên Triệu Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M9 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Sau đó bà H tiếp tục có đơn đề nghị giám lại ở Phòng kỹ thuật hình sự Bộ Quốc Phòng, trong đơn gửi Tòa án bà H ghi rõ đề nghị giám định lại chữ ký, chữ viết của chị T bằng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không đề nghị thu thập chữ ký, chữ viết của chị T ở cơ quan tổ chức nào khác. Tại Kết luận giám định số 43/KL-GĐKTHS (P11) ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Phòng giám định Kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc Phòng kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Triệu Thị T cần giám định trên Giấy vay tiền đề ngày 16/7/2021 (Tài liệu ký hiệu A) với chữ ký mẫu so sánh ghi của bà Triệu Thị T trên các tài liệu ký hiệu M1 đến M10 có phải do cùng một người ký ra hay không. Chữ viết ghi họ tên " Triệu Thị T" cần giám định dưới mục " Người vay" trên giấy vay tiền đề ngày 16/7/2021 (tài liệu ký hiệu A) với chữ viết mẫu so sánh ghi của Triệu Thị T trên

các tài liệu ký hiệu M1 đến M10 là không phải do cùng một người viết ra.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án số 11/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 117, 385, 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với chị Triệu Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, bà Trần Thị H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử lại vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc chị Triệu Thị T phải trả lại bà số tiền đã vay là 200.000.000đ ghi trong giấy vay tiền ngày 16/7/2021.

Ngày 26/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa bà H xuất trình thêm tài liệu mới làm mẫu so sánh và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thực hiện lại việc giám định chữ ký, chữ viết của chị Triệu Thị T trong giấy vay tiền ngày 16/7/2021. Để giải quyết vụ án được khách quan, có căn cứ, Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa và trưng cầu giám định tại Viên khoa học hình sự - Bộ Công an và Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các kết luận giám định được thực hiện tại cấp phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, buộc chị Triệu Thị T phải trả cho bà H số tiền 200.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 16/7/2021. Các chi phí tố tụng, án phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án

trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị H làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn là chị Triệu Thị T, người làm chứng anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt. Tuy nhiên, chị T đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, chị T, anh Hùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị H đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc chị T phải trả cho bà số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) theo giấy vay tiền đề ngày 16/7/2024. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Triệu Thị T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay theo Giấy vay tiền ngày 16/7/2021, nội dung giấy vay tiền thể hiện: Chị T vay của bà H số tiền 200.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng do bà và chị T có mối quan hệ quen biết với nhau nên chị T đã nhiều lần vay tiền của bà, các lần vay trước đó chị T đều đã trả đủ cho bà H. Chỉ có lần vay ngày 16/7/2021 với số tiền 200.000.000đ là chị T chưa thanh toán trả bà. Bà đã nhiều lần đòi nhưng chị T đều khất nợ và sau đó thì không trả. Bà khẳng định giấy vay tiền ngày 16/7/2021 là do chị T trực tiếp viết và ký vào.

Bị đơn chị Triệu Thị T thừa nhận chị có vay 200.000.000đ của bà H và có viết giấy vay tiền, tuy nhiên chị đã trả hết tiền cho bà H và chị đã xé giấy vay tiền tại nhà bà H (BL 25, 26). Giấy vay tiền ngày 16/7/2021 bà H xuất trình với Tòa án là giả mạo, không phải chữ ký chữ viết của chị T.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 16/7/2021 với chữ ký, chữ viết của chị T tại các bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản làm việc tại Tòa án. Tuy nhiên do các mẫu chữ ký, chữ viết dùng để làm mẫu so sánh là những chữ ký, chữ viết tại thời điểm khởi kiện (năm 2022, 2023) nên các kết luận giám định đều không đủ cơ sở để kết luận có phải là chữ ký, chữ viết của chị Triệu Thị T tại giấy vay tiền ngày 16/7/2021 hay không. Chỉ có kết luận giám định số 43/KL-GĐKTHS (P11) ngày 31/01/2024 của Phòng giám định Kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc Phòng kết luận: "Chữ viết ghi họ tên "Triệu Thị T" cần giám định dưới mục "Người

vay" trên giấy vay tiền đề ngày 16/7/2021 (tài liệu ký hiệu A) với chữ viết mẫu so sánh ghi của Triệu Thị T trên các tài liệu ký hiệu M1 đến M10 là không phải do cùng một người viết ra".

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà H cung cấp cho Tòa án bản gốc Giấy tạm giam tiền đề ngày 29/5/2021 trong đó có chữ ký, chữ viết của chị Triệu Thị T và đề nghị Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ lưu trữ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V có chữ ký, chữ viết của chị T năm 2021 để tiến hành giám định tại Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an. Tòa án đã thu thập tài liệu gốc lưu trữ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V và thực hiện giám định tại Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an theo Quyết định trưng cầu giám định số 20/QĐ-TCGĐ ngày 29/8/2024. Tại Kết luận giám định số 385/KL-KTHS ngày 02/10/2024 của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: "*Chữ ký, chữ viết trên mẫu giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Triệu Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết, ký ra.*"

Sau khi có kết luận giám định số 385/KL-KTHS ngày 02/10/2024 của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an, chị Triệu Thị T đề nghị Tòa án tiến hành giám định lại tại Phòng Giám định Kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng bằng các mẫu đã tiến hành giám định tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đồng thời thu thập thêm tài liệu là chữ ký, chữ viết của chị T thời điểm năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và Ngân hàng Nông nghiệp và phát tiển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mê Linh, thành phố Hà Nội. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu gốc và thực hiện giám định tại Phòng Giám định Kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng theo Quyết định trưng cầu giám định số 31/2024/QĐ-TCGĐ ngày 11/11/2024. Tại Kết luận giám định số 366/KL-GĐKTHS (P11) ngày 20/11/2024 của Phòng giám định kỹ thuật Hình sự - Bộ Quốc phòng kết luận: "*Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết ghi họ tên "*Triệu Thị T*"cần giám định trên Giấy vay tiền (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết mẫu so sánh ghi của Triệu Thị T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra.*"

Như vậy, tại hai kết luận giám định của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an và Phòng giám định kỹ thuật Hình sự - Bộ Quốc phòng đều kết luận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 16/7/2021 so với các chữ ký, chữ viết của chị Triệu Thị T năm 2021 dùng làm mẫu so sánh đều là cùng một người ký và viết ra. Việc thu thập các mẫu so sánh theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn tại các cơ quan lưu trữ được thực hiện khách quan, đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền đề

ngày 16/7/2021 là chữ ký, chữ viết của chị Triệu Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án án có nhận được văn bản trình bày ý kiến người làm chứng của anh Nguyễn Văn Th, địa chỉ: Thôn Hồi Cương, xã Ngũ Kiên, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn N, cùng địa chỉ: Thôn T2, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trình bày về việc có biết chị T vay tiền của bà H và có trả tiền cho bà H. Tuy nhiên lời trình bày của anh Th, bà G, ông N đều không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc người làm chứng. Tại phiên tòa anh Th, bà G, ông N có mặt và trình bày chỉ đi trả tiền đỡ hoặc đi cùng chị T để trả tiền cho bà H nhưng chỉ đứng ngoài cổng chứ không vào nhà, không trực tiếp chứng kiến việc chị T trả tiền cho bà H hay việc chị T xé tờ giấy vay tiền. Mặt khác, các số tiền mà anh Th, bà G, ông N trình bày và số tiền theo giấy vay tiền ngày 16/7/2021 không trùng khớp nhau. Ngoài ra, anh Th, bà G và ông N không đưa ra bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Từ phân tích trên xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, buộc chị Triệu Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà H 200.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 16/7/2021. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có cơ sở được Hội đồng xét xét chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm do đó sẽ xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án thì tranh chấp trị giá từ 6.000.000đ đến 400.000.000đ thì phải chịu 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Chị T phải chịu 200.000.000đ x 5% = 10.000.000đ tiền án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí giám định: Theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chịu chi phí giám định thì trong trường hợp người yêu cầu giám định và kết quả chứng minh yêu cầu của họ là có căn cứ thì người thua kiện phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Ngoài ra người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ. Trong vụ án, sau khi bà H đề nghị Tòa án trưng cầu giám định có kết quả, chị T không đồng ý với kết quả đó và đề nghị

Tòa án trưng cầu giám định lại. Các kết quả giám định đều kết luận chữ ký, chữ viết trong các mẫu so sánh và giấy vay tiền đề ngày 16/7/2021 do cùng một người ký, viết ra. Do đó, chị Triệu Thị T phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định, cụ thể:

Chi phí thực hiện giám định tại Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an là 2.811.000đ theo phiếu thu ngày 30/9/2024 (Bà H nộp); chi phí thực hiện giám định tại Phòng giám định kỹ thuật Hình sự - Bộ Quốc phòng là 4.820.000đ theo biên lai thu tiền ngày 22/11/2024 (Chị T nộp). Tổng cộng là 7.631.000đ (*Bảy triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án;

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện V theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Buộc chị Triệu Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) theo Giấy vay tiền ngày 16 tháng 7 năm 2021.

Kể từ ngày 26/4/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, chị Triệu Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thị T phải chịu 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005721 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H không phải chịu.

3. Về Chi phí giám định: Chị Triệu Thị T phải chịu 7.631.000đ (*Bảy triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng*) tiền chi phí giám định. Xác nhận chị T đã nộp 4.820.000đ (*Bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*). Số tiền bà H đã nộp là 2.811.000đ (*Hai triệu tám trăm mười một nghìn đồng*) chị T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị H.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường